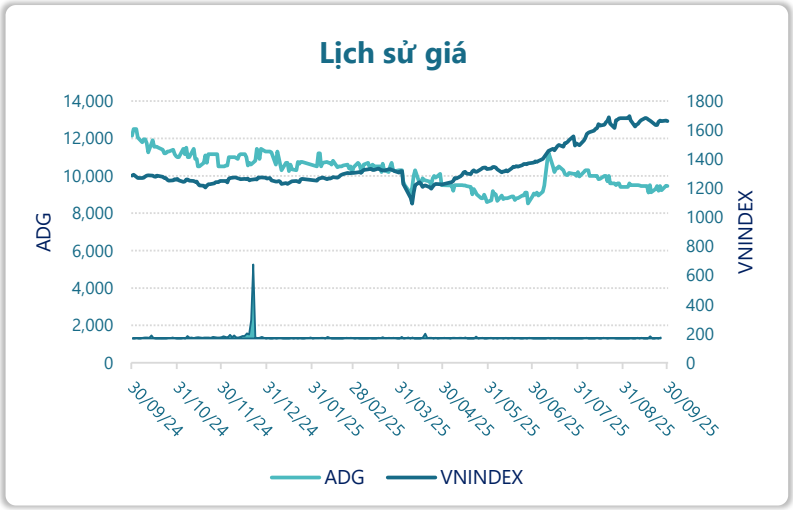
FireAnt

CTCP Clever Group (HSX: ADG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,520
SL cổ phiếu LH	21,380,521
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,220
% sở hữu nước ngoài	40.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	202
P/E	13.5
EPS	698

DT thuần

Q3/25

117

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00| 2.7%

YoY: ▲ 9.00| 8.4%

LN sau thuế

Q3/25

0.71

tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.10| -85.2%

YoY: ▲ 4.08| 121%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.2%

+/- YoY: ▲ 4.3%

DT thuần

9T 2025

315

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00| 1.5%

LN sau thuế

9T 2025

1.26

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.10| -76.5%

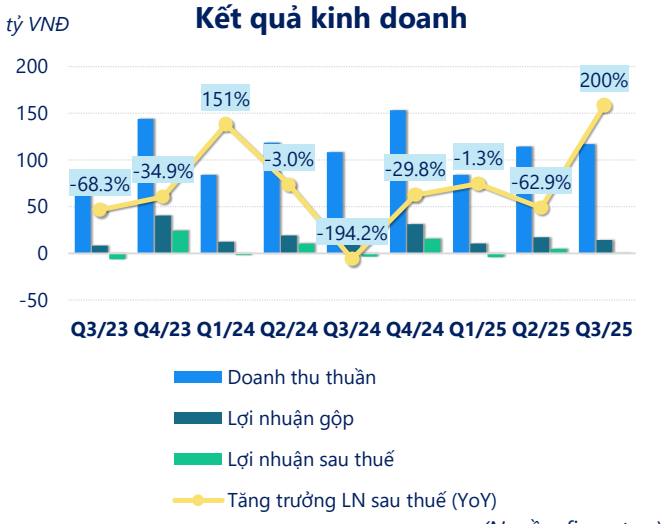
ROE

Q3/25

4.0%

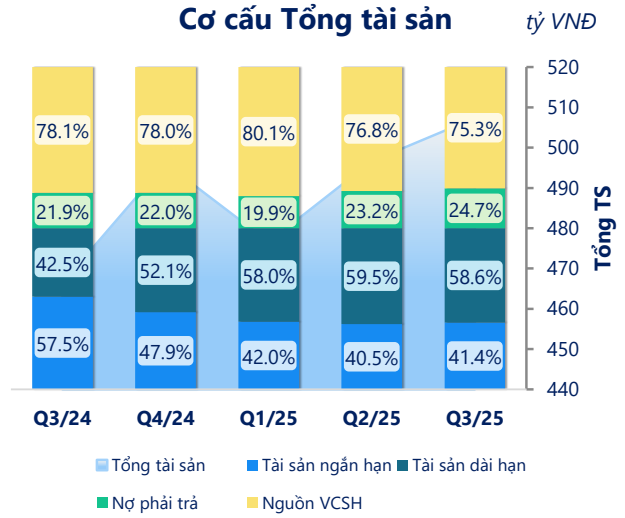
+/- YoY: ▼ 3.4%

Kết quả kinh doanh



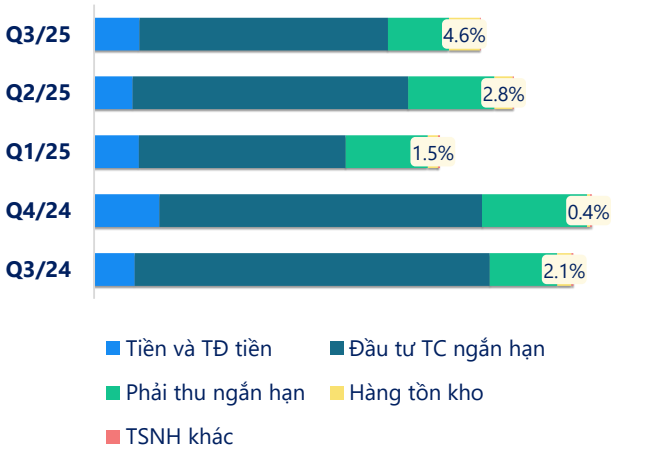
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



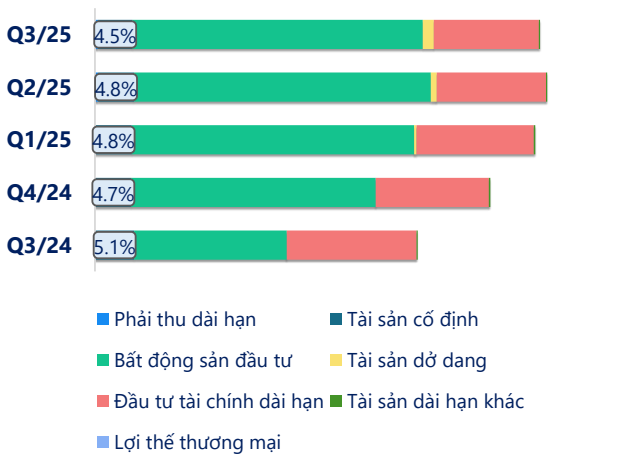
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



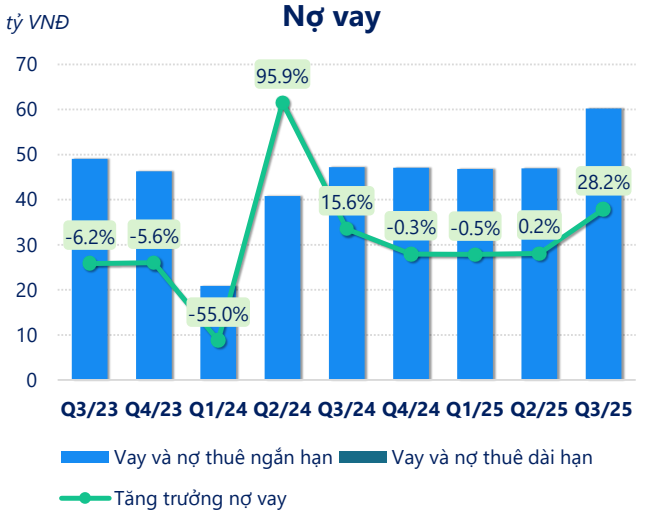
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



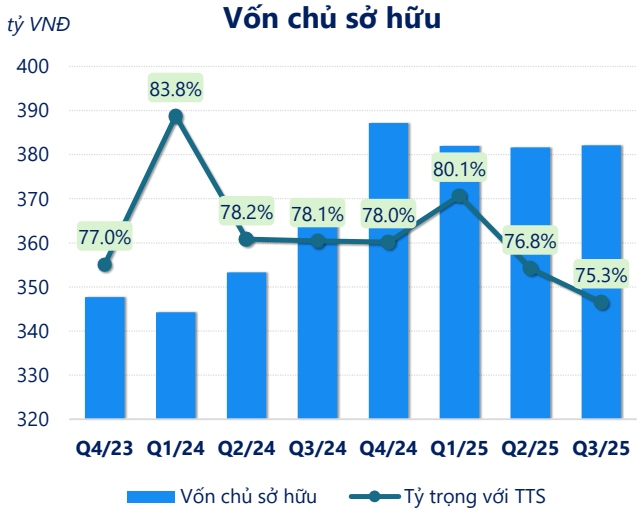
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



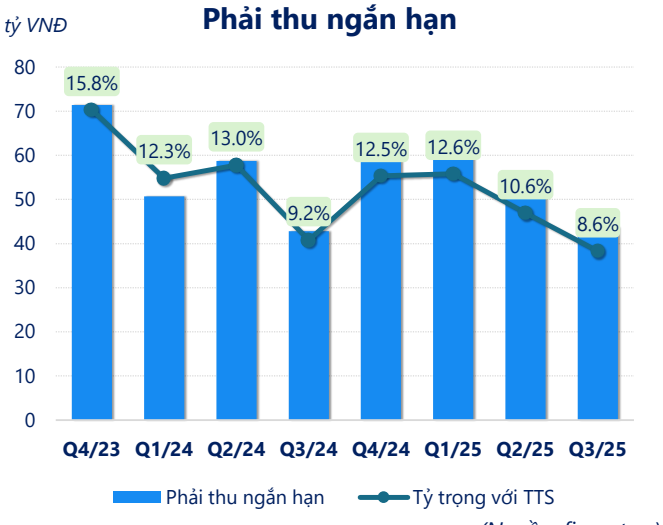
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



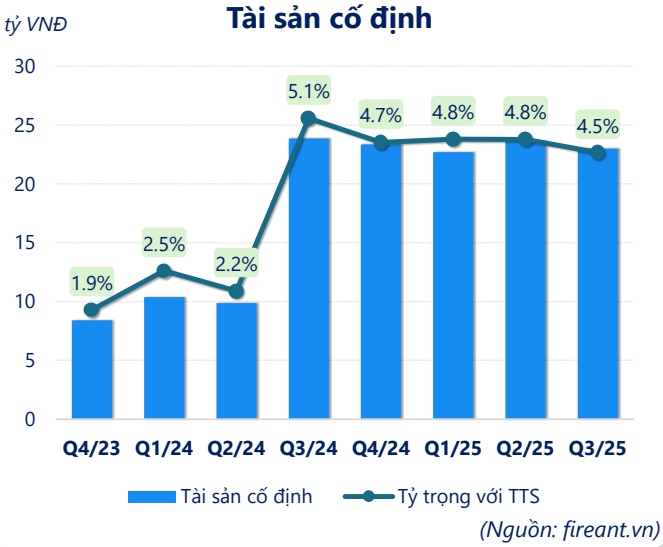
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



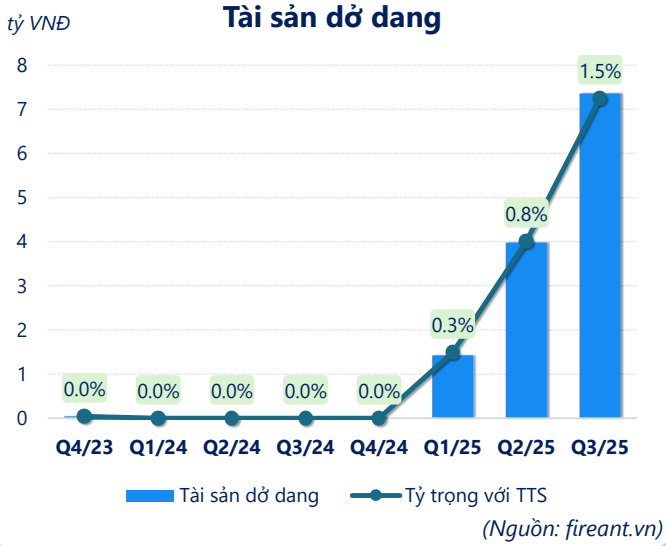
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



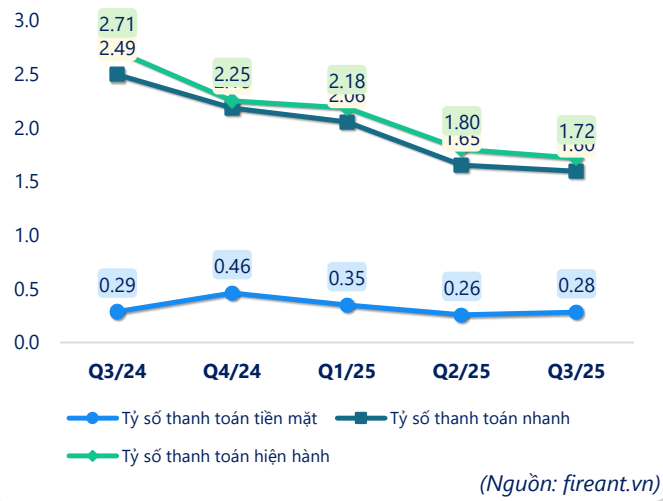
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



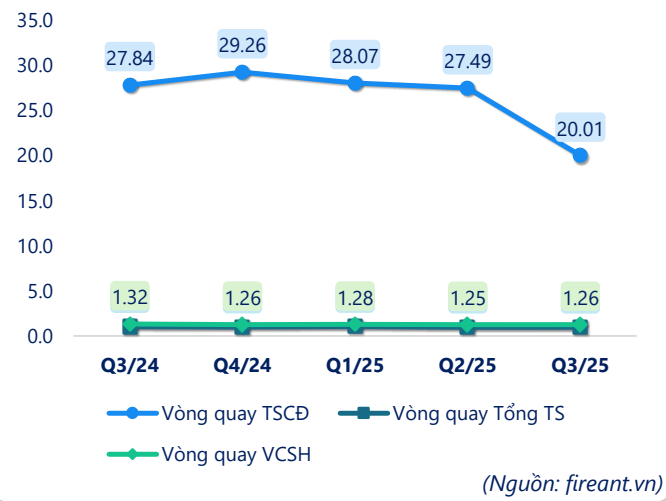
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**466**	**496**	**477**	**497**	**507**
Tài sản ngắn hạn	**268**	**238**	**200**	**201**	**210**
Tiền và tương đương tiền	28.5	48.7	32.0	28.8	34.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	174	119	95.5	102	116
Phải thu ngắn hạn	42.8	61.8	59.9	52.4	43.7
Hàng tồn kho	21.5	7.19	11.8	16.7	14.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.76	1.13	1.10	0.91	0.98
Tài sản dài hạn	**198**	**258**	**276**	**296**	**297**
Phải thu dài hạn	0.17	0.34	0.36	1.98	2.03
Tài sản cố định	23.8	23.3	22.7	23.6	23.0
Bất động sản đầu tư	93.8	160	177	194	194
Tài sản dở dang	0	0	1.42	3.98	7.36
Đầu tư tài chính dài hạn	79.6	74.0	73.6	71.5	70.3
Tài sản dài hạn khác	0.85	0.96	0.87	0.77	0.67
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**102**	**109**	**94.6**	**115**	**125**
Nợ ngắn hạn	**98.9**	**106**	**91.7**	**112**	**122**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	47.2	47.1	46.8	47.0	60.2
Phải trả người bán ngắn hạn	22.0	29.9	23.7	38.6	34.5
Nợ dài hạn	3.36	3.32	2.90	3.42	2.90
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**364**	**387**	**382**	**382**	**382**
Vốn chủ sở hữu	**364**	**387**	**382**	**382**	**382**
Vốn điều lệ	214	214	214	214	214
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)